

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 35
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ	09 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 82/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/08/2011 và số 51/GPĐC-UBCK ngày 18/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Loan	Chủ tịch
Ông Trần Kiên Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên
Ông Trần Anh Quân	Ủy viên
Bà Mai Thị Hằng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Kiên Cường	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Vương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thơm	Ủy viên
Bà Phạm Thị Sen	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước; đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Số: 1779/2016/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình được lập ngày 08 tháng 08 năm 2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và

tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Thị Thanh Giang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0286-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		228.294.071.885	224.060.075.003
110	I. Tài sản tài chính		228.115.301.662	223.821.564.799
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	150.992.804.056	144.673.591.927
111.1	1.1 Tiền		60.992.804.056	144.673.591.927
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		90.000.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	111.164.504	111.164.504
114	4. Các khoản cho vay	5	17.010.900.825	21.011.645.618
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	55.896.160.000	55.896.160.000
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	5	(6.119.664)	(6.683.364)
117	7. Các khoản phải thu	6	1.000.000.000	-
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.000.000.000	-
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		1.000.000.000	-
118	8. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		88.845.112	88.845.112
122	12. Các khoản phải thu khác	6	3.021.546.829	2.046.841.002
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		178.770.223	238.510.204
131	1. Tạm ứng		14.771.412	39.462.831
135	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	163.998.811	199.047.373
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		145.424.971.278	149.816.271.691
220	II. Tài sản cố định		332.860.000	450.340.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		15.970.989.107	15.970.989.107
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.970.989.107)	(15.970.989.107)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	332.860.000	450.340.000
228	- Nguyên giá		12.324.916.470	12.324.916.470
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.992.056.470)	(11.874.576.470)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	57.529.314.748	61.080.768.210
231	- Nguyên giá		76.868.886.130	76.868.886.130
232a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.339.571.382)	(15.788.117.920)
250	V. Tài sản dài hạn khác		87.562.796.530	88.285.163.481
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	80.000.000.000	80.962.400.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	7	245.000.000	4.966.951
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	7.317.796.530	7.317.796.530
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		373.719.043.163	373.876.346.694

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.918.936.248	3.257.718.716
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.918.936.248	3.257.718.716
318	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	101.051.591	128.721.212
320	8. Phải trả người bán ngắn hạn	15	173.202.561	211.555.384
322	10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	77.970.984	38.528.060
323	11. Phải trả người lao động		338.788.275	752.142.870
324	12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		81.748.937	114.569.576
325	13. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	468.000.000	1.960.815.460
329	17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	594.754.911	182.475
331	19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		83.418.989	51.203.679
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		371.800.106.915	370.618.627.978
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	371.800.106.915	370.618.627.978
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000
411.1a	a. Vốn pháp định		300.000.000.000	300.000.000.000
411.1b	b. Vốn bổ sung		29.999.800.000	29.999.800.000
414	4. Quỹ dự trữ điều lệ		3.627.965.499	3.562.534.878
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.627.965.499	3.562.534.878
417	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.544.375.917	33.493.758.222
417.1	7.1 Lợi nhuận đã thực hiện		34.544.375.917	33.493.758.222
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		371.800.106.915	370.618.627.978
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		373.719.043.163	373.876.346.694

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
006	6. Cổ phiếu đang lưu hành		32.999.980	32.999.980
008	8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	11.140.000	11.130.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		11.140.000	11.130.000
009	9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	21	70.000	70.000
009.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		70.000	70.000
012	12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	22	55.520.000.000	55.520.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Số lượng chứng khoán				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	590.635.120.000	665.187.030.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		542.776.890.000	394.697.400.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		21.656.740.000	1.656.740.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		20.216.390.000	257.636.390.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		5.985.100.000	11.196.500.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	24	217.020.000	17.570.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		217.020.000	17.570.000
Đồng Việt Nam				
026	7. Tiền gửi của khách hàng	25	11.723.862.839	16.801.458.903
027	7.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		11.723.862.839	16.801.458.903
027.1	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.723.862.839	16.801.458.903
031	8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	11.723.862.839	16.801.458.903
031.1	8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.723.862.839	16.801.458.903

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập

Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		165.000	568.400
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	28.a)	165.000	568.400
04	1.4 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.a)	1.000.000.000	2.540.000.000
06	1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2.961.344.980	995.015.959
08	1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	27.272.727
11	1.11 Thu nhập hoạt động khác	28.b)	2.268.546.829	2.065.909.271
20	Cộng doanh thu hoạt động		6.230.056.809	5.628.766.357
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		-	585.798
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL		-	585.798
24	2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay		(563.700)	(2.842.172)
27	2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2.767.123.197	2.545.775.722
40	Cộng chi phí hoạt động		2.766.559.497	2.543.519.348
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	29	72.992.503	59.508.438
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		72.992.503	59.508.438
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	2.268.747.006	2.742.805.799
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.267.742.809	401.949.648
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.267.742.809	401.949.648
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.267.742.809	401.949.648

BAO CAO THU NHẬP TOAN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN		53.548.562	-
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	53.548.562	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.214.194.247	401.949.648
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	32	37	12



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
04	1. Cổ tức đã nhận		165.000	568.400
07	2. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(1.173.643.702)	(977.953.932)
08	3. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(471.940.130)	-
10	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.850.329.975	18.022.783.613
11	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.885.699.014)	(18.574.052.621)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.319.212.129	(1.528.654.540)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
25	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	100.000.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	100.000.000
50	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		6.319.212.129	(1.428.654.540)
60	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		144.673.591.927	145.565.434.762
61	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		144.673.591.927	145.565.434.762
62	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		144.673.591.927	145.565.434.762
70	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		150.992.804.056	144.136.780.222
71	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		150.992.804.056	144.136.780.222
72	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		60.992.804.056	144.136.780.222
73	Các khoản tương đương tiền		90.000.000.000	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		467.907.394.300	264.181.446.800
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.006.860.357.600)	(338.857.713.700)
09	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		533.846.167.236	67.582.969.847
14	4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		29.200.000	1.554.270.060
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		(5.077.596.064)	(5.539.026.993)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		16.801.458.903	12.760.707.083
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		16.801.458.903	12.760.707.083
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		16.801.458.903	12.760.707.083
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		11.723.862.839	7.221.680.090
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ trước:		11.723.862.839	7.221.680.090
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		11.723.862.839	7.221.680.090



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
 Người lập



Nguyễn Ngọc Dung
 Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường
 Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015	01/01/2016	6 tháng đầu năm 2015		6 tháng đầu năm 2016		30/06/2015	30/06/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	-	-	329.999.800.000	329.999.800.000
1.1. Vốn pháp định		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
1.2. Vốn bổ sung		29.999.800.000	29.999.800.000	-	-	-	-	29.999.800.000	29.999.800.000
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		3.562.534.878	3.562.534.878	-	-	65.430.621	-	3.562.534.878	3.627.965.499
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.562.534.878	3.562.534.878	-	-	65.430.621	-	3.562.534.878	3.627.965.499
4. Lợi nhuận chưa phân phối		32.229.169.028	33.493.758.222	401.949.648	44.023.238	1.214.194.247	163.576.552	32.587.095.438	34.544.375.917
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện		32.229.169.028	33.493.758.222	401.949.648	44.023.238	1.214.194.247	163.576.552	32.587.095.438	34.544.375.917
CỘNG		369.354.038.784	370.618.627.978	401.949.648	44.023.238	1.345.055.489	163.576.552	369.711.965.194	371.800.106.915



Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Người lập



Nguyễn Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường

Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 82/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/08/2011 và số 51/GPĐC-UBCK ngày 18/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 10/04/2010 và sửa đổi, bổ sung ngày 01/04/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 329.999.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 329.999.800.000 đồng; tương đương 32.999.980 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 06 tháng 07 năm 2010 với mã giao dịch là HBS.

Đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh chứng khoán

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010).

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 theo quy định của Thông tư 210 khi so sánh với số liệu năm nay, chi tiết xem tại thuyết minh số 36.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

c) *Nguyên tắc dự phòng giảm giá tài sản tài chính*

Năm 2016, Luật Kế toán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.5 . Bất động sản đầu tư

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 25 năm
- Máy móc, thiết bị 06 năm

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.12 . Ghi nhận doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.13 . Ghi nhận chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.14 . Ghi nhận doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính là Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</u> VND
Của nhà đầu tư	99.565.955	1.477.104.085.600
- Cổ phiếu	99.565.955	1.477.104.085.600
	<u>99.565.955</u>	<u>1.477.104.085.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	579.784.221	2.049.825.143
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	60.413.019.835	142.623.766.784
Các khoản tương đương tiền	90.000.000.000	-
	<u>150.992.804.056</u>	<u>144.673.591.927</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 07 ngày được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất 1%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	15.775.284	15.775.284
Cổ phiếu chưa niêm yết	95.389.220	95.389.220
	<u>111.164.504</u>	<u>111.164.504</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình</i>	2.940.000.000	2.940.000.000
<i>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế</i>	2.956.160.000	2.956.160.000
	<u>55.896.160.000</u>	<u>55.896.160.000</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	TP Hà Nội	4,16%	4,16%	Bất động sản
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	TP Hồ Chí Minh	1,47%	1,47%	Bất động sản
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	TP Hà Nội	9,92%	9,92%	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

c) Các khoản cho vay

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Hoạt động margin (*)	5.186.102.360	13.809.921.622
Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	11.824.798.465	7.201.723.996
	<u>17.010.900.825</u>	<u>21.011.645.618</u>

(*) Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu giao dịch ký quỹ tại ngày 30/06/2016. Giá trị tài sản cầm cố được tính theo giá thị trường tại ngày 30/06/2016 và có tính đến tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này			Giá trị lập dự phòng	Mức trích lập hoặc
		Giá sổ sách	Giá thị trường	Giá trị dự phòng	kỳ trước	hoàn nhập kỳ này
		VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL		111.164.504	18.023.100	(6.119.664)	(6.683.364)	563.700
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
AGR	6	62.100	16.800	(45.300)	(41.700)	(3.600)
CSC	65	529.380	1.079.000	-	-	-
CT6	69	743.400	607.200	(136.200)	(122.400)	(13.800)
CTD	3	170.100	579.000	-	-	-
CTG	10	132.480	168.000	-	-	-
DIG	6	150.750	49.800	(100.950)	(96.150)	(4.800)
DRC	9	117.360	354.600	-	-	-
FPT	3	186.300	125.400	(60.900)	(41.400)	(19.500)
GTA	1	8.190	16.400	-	-	-
HAP	4	29.040	19.600	(9.440)	(5.440)	(4.000)
HBS	200	2.844.000	640.000	(2.204.000)	(1.984.000)	(220.000)
HDC	11	207.900	150.700	(57.200)	(55.000)	(2.200)
ICG	6	88.020	45.000	(43.020)	(53.220)	10.200
ITA	22	192.960	94.600	(98.360)	(69.760)	(28.600)
ITC	2	31.140	18.400	(12.740)	(14.340)	1.600
KBC	5	123.300	77.500	(45.800)	(57.800)	12.000
KDC	7	221.850	196.000	(25.850)	(51.750)	25.900
NSC	10	257.580	1.000.000	-	-	-
PET	5	69.300	65.000	(4.300)	(2.800)	(1.500)
PTL	8	77.040	18.400	(58.640)	(63.440)	4.800
PVD	6	249.600	186.000	(63.600)	(90.600)	27.000
PXT	5	44.100	34.500	(9.600)	(20.600)	11.000
SHN	63	810.810	630.000	(180.810)	(4.410)	(176.400)
SMC	3	58.590	41.100	(17.490)	(36.990)	19.500



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	1.000.000.000	-
Phải thu lợi nhuận được chia từ Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	3.021.546.829	753.000.000
Phải thu tiền khấu hao Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	-	1.293.841.002
	<u>4.021.546.829</u>	<u>2.046.841.002</u>

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	4.966.951
Chi phí quản lý thành viên, quản lý niêm yết, phí dịch vụ	245.000.000	-
	<u>245.000.000</u>	<u>4.966.951</u>

8 . CÀM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng (i)	80.000.000.000	80.962.400.000
	<u>80.000.000.000</u>	<u>80.962.400.000</u>

(i) Tiền đặt cọc theo hợp đồng số 02/2014/HĐKT/HBS - THT ngày 01/01/2014 giữa Công ty với Công ty TNHH Thế Hệ Trẻ về việc thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà số 46 - 48 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tổng diện tích thuê văn phòng theo Phụ lục số 01 ngày 01/01/2015 là 175 m² tại tòa nhà 46-48 Bà Triệu, thời gian thuê là 48 năm từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2061.

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp	62.500.000	44.000.000
Thuế TNDN nộp thừa	101.498.811	155.047.373
	<u>163.998.811</u>	<u>199.047.373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2016	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Tại ngày 30/06/2016	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2016	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Tại ngày 30/06/2016	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.970.089.107 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	11.647.361.650	677.554.820	12.324.916.470
Tại ngày 30/06/2016	11.647.361.650	677.554.820	12.324.916.470
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	11.197.021.650	677.554.820	11.874.576.470
Khấu hao trong kỳ	117.480.000	-	117.480.000
Tại ngày 30/06/2016	11.314.501.650	677.554.820	11.992.056.470
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	450.340.000	-	450.340.000
Tại ngày 30/06/2016	332.860.000	-	332.860.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.620.036.470 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
Tại ngày 30/06/2016	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	5.137.888.327	10.650.229.593	15.788.117.920
Khấu hao trong kỳ	1.104.779.096	2.446.674.366	3.551.453.462
Tại ngày 30/06/2016	6.242.667.423	13.096.903.959	19.339.571.382
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	46.400.722.015	14.680.046.195	61.080.768.210
Tại ngày 30/06/2016	45.295.942.919	12.233.371.829	57.529.314.748

Bất động sản đầu tư là một phần của Tòa cao ốc văn phòng Vimedimex tại số 246 Cống Quỳnh - Phường Phạm Ngũ Lão - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tài sản hình thành từ Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng Vimedimex giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và được quản lý bởi Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 01/01/2015 giữa Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình sẽ hoàn trả số tiền khấu hao bất động sản đối với phần sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình hàng năm theo số thông báo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình. Trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty TNHH Bất Động Sản Vimedimex Hòa Bình đã thanh toán tiền khấu hao cho Công ty là 5.440.000.000 VND, bao gồm số tiền khấu hao trả cho năm 2015 là 1.293.841.002 VND (Thuyết minh số 06), trả cho 06 tháng đầu năm 2016 là 3.551.453.462 VND và số tiền trả thừa đến 30/06/2016 là 594.705.536 VND (Thuyết minh số 18).

13 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.795.592.981	4.795.592.981
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	2.402.203.549	2.402.203.549
Số dư cuối kỳ	7.317.796.530	7.317.796.530

14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	101.051.591	128.721.212
	101.051.591	128.721.212

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn		
Công ty TNHH Thế Hệ Trẻ	131.250.000	146.236.364
Phải trả các đối tượng khác	41.952.561	65.319.020
	<u>173.202.561</u>	<u>211.555.384</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	77.970.984	38.528.060
	<u>77.970.984</u>	<u>38.528.060</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải trả tiền thuê văn phòng tại tòa nhà Handico	-	1.567.735.996
Hoa hồng môi giới	100.000.000	36.000.000
Phải trả về chi phí tiền điện, điện thoại	-	119.079.464
Phí bảo trì phần mềm	368.000.000	150.000.000
Chi phí phải trả khác	-	88.000.000
	<u>468.000.000</u>	<u>1.960.815.460</u>

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền khấu hao nhận thừa từ Công ty TNHH Bất Động Sản Vimedimex Hòa Bình	594.705.536	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.375	182.475
	<u>594.754.911</u>	<u>182.475</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÀ BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	4,67%	15.400.000.000	4,67%	15.400.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà Hà Nội	3,79%	12.510.000.000	3,79%	12.510.000.000
Nguyễn Đức Hà	13,03%	43.000.000.000	13,03%	43.000.000.000
Nguyễn Hồng Trang	11,04%	36.420.000.000	11,04%	36.420.000.000
Phạm Văn Thuận	13,03%	43.000.000.000	13,03%	43.000.000.000
Trịnh Hoài Nam	15,15%	50.000.000.000	15,15%	50.000.000.000
Đình Hữu Thành	15,15%	50.000.000.000	15,15%	50.000.000.000
Các cổ đông khác	24,14%	79.669.800.000	24,14%	79.669.800.000
	100%	329.999.800.000	100%	329.999.800.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	34.544.375.917	33.493.758.222
	34.544.375.917	33.493.758.222

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

Theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	1.308.612.432
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5,00%	65.430.621
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	65.430.621
Lợi nhuận chưa phân phối	90,00%	1.177.751.190

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	329.999.800.000	329.999.800.000
- Vốn góp đầu kỳ	329.999.800.000	329.999.800.000
- Vốn góp cuối kỳ	329.999.800.000	329.999.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

e) Cổ phiếu

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.999.980	32.999.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.999.980	32.999.980
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.999.980	32.999.980
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.999.980	32.999.980
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.999.980	32.999.980
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	11.140.000	11.130.000
	<u>11.140.000</u>	<u>11.130.000</u>

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	70.000	70.000
	<u>70.000</u>	<u>70.000</u>

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	55.520.000.000	55.520.000.000
	<u>55.520.000.000</u>	<u>55.520.000.000</u>

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	542.776.890.000	394.697.400.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	21.656.740.000	1.656.740.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	20.216.390.000	257.636.390.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.985.100.000	11.196.500.000
	<u>590.635.120.000</u>	<u>665.187.030.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	217.020.000	17.570.000
	217.020.000	17.570.000

25 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	11.723.862.839	16.801.458.903
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	11.723.862.839	16.801.458.903
<i>1.1. Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>11.723.862.839</i>	<i>16.801.458.903</i>
	11.723.862.839	16.801.458.903

26 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	11.723.862.839	16.801.458.903
<i>1.1. Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>11.723.862.839</i>	<i>16.801.458.903</i>
	11.723.862.839	16.801.458.903

27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	5.186.102.360	13.809.921.622
1.1 Phải trả gốc margin	5.186.102.360	13.809.921.622
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>5.186.102.360</i>	<i>13.809.921.622</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	11.824.798.465	7.201.723.996
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	11.824.798.465	7.201.723.996
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>11.824.798.465</i>	<i>7.201.723.996</i>
	17.010.900.825	21.011.645.618

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

28 . THU NHẬP**a) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	165.000	568.400
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	1.000.000.000	2.540.000.000
	1.000.165.000	2.540.568.400

b) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	2.268.546.829	2.065.909.271
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập từ cho thuê tài sản	2.268.546.829	2.065.909.271
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	2.268.546.829	2.065.909.271

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	72.992.503	59.508.438
	72.992.503	59.508.438

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1.398.923.282	1.097.334.061
Chi phí vật tư văn phòng	8.935.501	27.474.053
Chi phí khấu hao	117.480.000	256.480.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	497.834.245	1.158.490.339
Chi phí khác	245.573.978	203.026.354
	2.268.747.006	2.742.805.799

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.267.742.809	401.949.648
Các khoản điều chỉnh tăng	-	36.000.000
- <i>Thù lao HĐQT</i>	-	36.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.000.000.000)	(4.606.477.671)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1.000.000.000)	(4.606.477.671)
Tổng thu nhập tính thuế	267.742.809	(4.168.528.023)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	53.548.562	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	53.548.562	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(155.047.373)	(155.047.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(101.498.811)	(155.047.373)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.214.194.247	401.949.648
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.214.194.247	401.949.648
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	32.999.980	32.999.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	12

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động môi giới	Hoạt động cho thuê tài sản	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	1.000.165.000	2.961.344.980	2.268.546.829	6.230.056.809
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	72.992.503
Chi phí hoạt động	(563.700)	2.767.123.197	-	2.766.559.497
Chi phí không phân bổ	-	-	-	2.268.747.006
Kết quả hoạt động	1.000.728.700	194.221.783	2.268.546.829	1.267.742.809
Tài sản bộ phận trực tiếp	57.007.324.504	24.328.697.355	60.550.861.577	141.886.883.436
Tài sản không phân bổ	-	-	-	231.832.159.727
Tổng tài sản	57.007.324.504	24.328.697.355	60.550.861.577	373.719.043.163
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	201.051.591	-	201.051.591
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.717.884.657
Tổng nợ phải trả	-	201.051.591	-	1.918.936.248

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	Công ty nhận đầu tư	1.000.000.000	2.540.568.400
Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex	Cùng chủ tịch HĐQT	2.268.546.829	-
Chi phí thuê văn phòng			
Công ty TNHH Thế Hệ Trẻ	Cùng chủ tịch Công ty	262.500.000	757.527.272

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu về khấu hao Bất động sản đầu tư			
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	Công ty quản lý BĐS Đầu tư/ cùng Chủ tịch Công ty	-	1.293.841.002
Phải trả về khấu hao Bất động sản đầu tư			
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	Công ty quản lý BĐS Đầu tư/ cùng Chủ tịch Công ty	594.705.536	-
Phải thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex	Cùng chủ tịch HĐQT	3.021.546.829	753.000.000
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	Công ty nhận đầu tư	1.000.000.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng			
Công ty TNHH Thế Hệ Trẻ	Cùng chủ tịch Công ty	80.000.000.000	80.000.000.000
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	Cùng chủ tịch HĐQT	2.956.160.000	2.956.160.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT, Ban kiểm soát		519.881.000	605.479.000

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

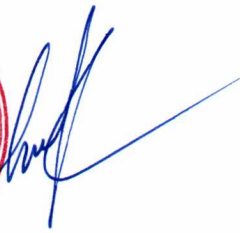
Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán. Do đó, các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tên cũ là Bảng cân đối kế toán) và Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính để so sánh với số liệu kỳ này.



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016